

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

<b>E-ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội Mã số thuế: 0100112437 Điện thoại: 02439343137 Email: vcb@vietcombank.com.vn
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: _____
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm dự án: số 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Ngày hợp đồng có hiệu lực: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	Các tài liệu khác: Sẽ được hoàn thiện trong giai đoạn thương thảo, hoàn thiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT
<b>E-ĐKC 4.1</b>	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Không có quy định khác
<b>E-ĐKC 5.1</b>	Các trường hợp khác: Không áp dụng
<b>E-ĐKC 7</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói
<b>E-ĐKC 8</b>	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp Đối với loại hợp đồng trọn gói: Giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. Giá hợp đồng đã bao gồm 10% thuế GTGT, giá trị thanh quyết toán hợp đồng theo thuế suất quy định của Nhà nước tại thời điểm thực hiện.
<b>E-ĐKC 10</b>	10.1. Tạm ứng a) Sau khi hợp đồng có hiệu lực, trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ tạm ứng <b>hợp lệ</b> của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu tối đa 25% giá trị hợp đồng. Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi 100% trong lần thanh toán đầu tiên (Đợt 1). Nhà thầu phải đảm bảo sử dụng tạm ứng hợp đồng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả. b) Hồ sơ tạm ứng: - Văn bản đề nghị tạm ứng của nhà thầu;

- Bảo lãnh tiền tạm ứng (bản gốc) có giá trị tương đương giá trị tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng do một ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (ngoại trừ các chi nhánh thuộc hệ thống Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành) theo Mẫu được Chủ đầu tư chấp thuận.

- Thời hạn hiệu lực của bảo lãnh tối thiểu 12 tháng kể từ ngày phát hành.

## 10.2. Thanh toán

### a) Tiến độ thanh toán:

- Đợt 1: Sau khi có biên bản nghiệm thu BTCT phần cọc - dài móng công trình, trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán **hợp lệ** của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu đến 30% giá hợp đồng đã ký và thu hồi 100% giá trị tạm ứng.

- Đợt 2: Sau khi có biên bản nghiệm thu BTCT phần thân công trình, trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán **hợp lệ** của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán tiếp cho Nhà thầu 25% giá hợp đồng đã ký.

- Đợt 3: Sau khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng, trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán **hợp lệ** của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán tiếp cho Nhà thầu 30% giá hợp đồng đã ký.

- Đợt 4: Sau khi quyết toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán nốt 15% giá trị hợp đồng cho Nhà thầu.

### b) Hồ sơ thanh toán:

- Đợt 1, Đợt 2 và Đợt 3: Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành tương ứng với từng đợt thanh toán; Văn bản đề nghị thanh toán của Nhà thầu; Hoá đơn chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành của pháp luật.

### c) Hồ sơ quyết toán:

- Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị đã thanh toán; giá trị phạt hợp đồng (nếu có) và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu;

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn;

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ giá trị công việc hoàn thành theo hợp đồng; giá trị đã thanh toán; giá trị phạt hợp đồng (nếu có) và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu;

- Biên bản xác nhận việc vi phạm chậm tiến độ và phạt hợp đồng trong trường hợp nhà thầu bị chậm tiến độ;

- Biên bản thanh lý hợp đồng;

	<p>- Hoá đơn GTGT.</p> <p>10.3. Đồng tiền tạm ứng, thanh toán: Đồng VND.</p> <p>10.4. Hình thức tạm ứng, thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản của nhà thầu nêu tại hợp đồng.</p> <p>10.5. Trường hợp bảo lãnh tiền tạm ứng hết thời hạn hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tiền tạm ứng thì Nhà thầu phải tự gia hạn bảo lãnh tiền tạm ứng cho tới khi Chủ đầu tư thu hồi hết toàn bộ số tiền đã tạm ứng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn.</p>
<b>E-ĐKC 11</b>	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng
<b>E-ĐKC 12</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo tiến độ dự án
<b>E-ĐKC 13.1</b>	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 5 ngày
<b>E-ĐKC 13.2 (e)</b>	<p>Các trường hợp khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Thay đổi, điều chỉnh phạm vi công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Việc thực hiện các thủ tục liên quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu gây ra.</li> </ul>
<b>E-ĐKC 14.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ : Theo danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSĐT
<b>E-ĐKC 16.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng
<b>E-ĐKC 16.4</b>	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Chủ đầu tư và quy định của pháp luật
<b>E-ĐKC 17</b>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.</p> <p><b>a)</b> Trường hợp nhà thầu không có báo cáo, đánh giá sự phù hợp của chủng loại, nhãn hiệu vật tư, vật liệu, thiết bị được nghiệm thu đưa vào sử dụng cho công trình tại các giai đoạn thanh toán hợp đồng xây lắp/thiết bị công trình, nhà thầu sẽ bị phạt vi phạm với mức phạt 5.000.000 VNĐ cho mỗi lần vi phạm.</p> <p><b>b)</b> Trường hợp Nhà thầu để Nhà thầu thi công xây dựng/cung cấp lắp đặt thiết bị công trình đưa vào sử dụng cho công trình các chủng loại vật tư, vật liệu, thiết bị không bảo đảm theo danh mục quy định tại Hợp đồng Xây lắp/Thiết bị và chưa được đại diện Chủ đầu tư chấp thuận nhưng vẫn được Nhà thầu nghiệm thu/xác nhận khối lượng hoàn thành trong hồ sơ</p>

đề nghị thanh toán tại các đợt thanh toán của Hợp đồng Xây lắp/Thiết bị thì Nhà thầu sẽ bị phạt vi phạm với mức: **5.000.000 VND**/cho mỗi chủng loại vật tư, vật liệu nghiệm thu không bảo đảm và **15.000.000 VND**/cho mỗi chủng loại thiết bị nghiệm thu không bảo đảm.

**c)** Trường hợp có sai sót trong công tác kiểm tra, xác nhận khối lượng thanh, quyết toán hợp đồng gói thầu xây lắp/thiết bị công trình dẫn đến khối lượng đã được nhà thầu nghiệm thu thanh toán lớn hơn khối lượng được quyết toán, nhà thầu sẽ bị phạt 2% giá trị của phần khối lượng chênh lệch đó (giá trị của phần khối lượng chênh lệch = khối lượng chênh lệch x đơn giá tương ứng trong hợp đồng xây lắp/thiết bị).

**d)** Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.

**e)** Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

## 2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Nhà thầu phải bồi thường bằng toàn bộ chi phí khắc phục thực tế và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) phát sinh do lỗi của nhà thầu.

### 2.1. Đối với nhà thầu:

a) Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư trong các trường hợp sau:

- Chất lượng công việc không bảo đảm với thỏa thuận trong hợp đồng hoặc kéo dài thời hạn hoàn thành do lỗi của nhà thầu gây ra;

- Do nguyên nhân của nhà thầu dẫn tới gây thiệt hại cho người và tài sản trong quá trình thi công và sử dụng công trình.

b) Việc nghiệm thu, thanh toán của Chủ đầu tư không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu đối với toàn bộ công việc thực hiện theo hợp đồng. Trường hợp phát hiện các sai sót trong quá trình thực hiện hợp đồng do lỗi chủ quan của Nhà thầu và/hoặc có liên quan đến trách nhiệm của Nhà thầu theo hợp đồng (bao gồm nhưng không giới hạn qua các cuộc kiểm tra/kiểm toán/thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo

	<p>quy định của pháp luật) mà dẫn đến tổn thất về tài chính cho Chủ đầu tư, Nhà thầu phải bồi thường toàn bộ thiệt hại theo thông báo của Chủ đầu tư (kể cả khi hợp đồng đã thanh lý theo quy định).</p> <p>2.2. Đối với Chủ đầu tư: Chủ đầu tư phải bồi thường cho nhà thầu trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Do nguyên nhân của Chủ đầu tư dẫn tới công việc theo hợp đồng bị gián đoạn, thực hiện chậm tiến độ, gặp rủi ro;</p> <p>b) Chủ đầu tư cung cấp tài liệu, điều kiện cần thiết cho công việc không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng làm cho nhà thầu phải tạm dừng hoặc sửa đổi công việc;</p> <p>c) Chủ đầu tư chậm thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.</p>
<p><b>E-ĐKC 19.1</b></p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:</p> <p>Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 14 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:</p> <p>a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời hạn 30 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.</p> <p>b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc 56 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.</p> <p>d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.</p> <p>e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân nơi đặt Trụ sở chính của Chủ đầu tư) phân xử tại Mục E-ĐKC 22.2.</p> <p>g) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.</p>
<p><b>E-ĐKC 20</b></p>	<p>Chấm dứt hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư:</p> <p>Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư trong khoảng thời gian tối thiểu 28 ngày trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 56 ngày liên tục.</p> <p>b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Mục E-ĐKC 22.2 sau 56 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p>

	<p>c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân nơi đặt Trụ sở chính của Chủ đầu tư) phân xử tại Mục E-ĐKC 22.2.</p> <p>d) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.</p>
<p><b>E-ĐKC 22.2</b></p>	<p>Giải quyết tranh chấp:</p> <p>1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.</p> <p>Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong khoảng thời gian là 14 ngày.</p> <p>Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký.</p> <p>Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.</p> <p>2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. a) Thời gian đề tiên hành hòa giải tối đa là 30 ngày.</p> <p>b) Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 14 ngày các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân nơi đặt Trụ sở chính của Chủ đầu tư) theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân nơi đặt Trụ sở chính của Chủ đầu tư) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.</p> <p>3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.</p>
<p><b>E-ĐKC 23.1</b></p>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p>

- Địa chỉ liên lạc của chủ đầu tư:

Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02439343137

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: [vcb@vietcombank.com.vn](mailto:vcb@vietcombank.com.vn)

- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_